

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **28/2022/HNGĐ-ST**.

Ngày: 13/7/2022.

V/v: Tranh chấp “Ly hôn
và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY PHONG
TỈNH BÌNH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán– Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Sinh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hà

2. Bà Trương Thị Minh Lợi

-Thư ký phiên tòa: Ông Đắc Quốc Tuấn– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 22/6/2022, đối với các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Hồng Đ**, sinh năm 1994;

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990;

Cùng địa chỉ: tổ dân phố Q, khu phố S, thị trấn Y, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1.Theo đơn khởi kiện ly hôn và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Hồng Đ trình bày:

Về hôn nhân: Chị Đ và anh Nguyễn Văn T tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2009, do không đủ tuổi đăng ký kết hôn nên đến năm 2017 mới đi đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận kết hôn, số: 49/2017, ngày 16/3/2017. Vợ chồng sinh sống tại tổ dân phố Q, khu phố S, thị trấn Y, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận một thời gian đến năm 2016 thì vào huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai làm công nhân, đến tháng 12 năm 2020 thì anh T về lại tổ dân phố Q, khu phố S, thị trấn Y, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận sinh sống còn chị vẫn ở lại Đồng Nai làm công nhân. Trong thời gian vợ chồng sống chung không có hạnh phúc nguyên nhân do anh T sống không có trách nhiệm với gia đình, ngoài trong thời gian anh T về lại thị trấn Y sinh sống thì anh T có nghiện ma túy, chị có khuyên can nhưng anh T không từ bỏ. Vợ chồng cũng sống ly thân từ tháng 12 năm 2021 cho đến nay, không còn ai quan tâm đến ai.

Khi làm đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong, chị có liên hệ với anh T để giải quyết vấn đề ly hôn nhưng anh T không đồng ý cùng chị đến Tòa án, anh T nói với chị tự nộp thì tự giải quyết đi. Nay, chị Đ nhận thấy hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị Đ và anh T có 02 (Hai) con chung tên Trần Công Th, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 22/6/2013, đang chung sống với chị Đ. Chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Đối với bị đơn- anh Nguyễn Văn T, Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh T cố tình không đến nên không thể lấy lời khai và hòa giải được.

3. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký trong quá trình giải quyết vụ án đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về hôn nhân: đề nghị tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Trần Thị Hồng Đ ly hôn với anh Nguyễn Văn T;

Về con chung: giao 02 con chung tên Trần Công Th, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 22/6/2013 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Đ không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Trần Thị Hồng Đ có đơn đề nghị giải quyết việc hôn nhân giữa chị Đ và anh Nguyễn Văn T (đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Y, huyện Tuy Phong), nên theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Phong. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, yêu cầu anh Nguyễn Văn T đến Tòa để lấy lời khai, hòa giải và thực hiện các thủ tục tố tụng khác nhưng anh T không chấp hành. Do đó, Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo thủ tục chung và quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa hôm nay, chị Trần Thị Hồng Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn T. Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trần Thị Hồng Đ và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Y nên hôn nhân giữa chị Đ và anh T là hôn nhân hợp pháp. Khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhưng anh T không có biện pháp để hàn gắn gia đình, từ đó chị Đ thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh T đến giải quyết nhưng anh T không chấp hành, điều này chứng tỏ anh T không có thiện chí và không có mong muốn hàn gắn gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa chị Đ và anh T không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đ.

[3] Về con chung: Chị Đ hiện nay là người trực tiếp nuôi 02 con chung tên Trần Công Th, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 22/6/2013 và nguyện vọng của 02 cháu Th, cháu D xin được tiếp tục ở với mẹ. Do anh T không đến Tòa án làm việc nên không xác định được ý kiến của anh T về vấn đề con chung. Vì vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống của 02 cháu Trần Công Th và Nguyễn Công D, Hội đồng xét xử sẽ giao 02 con chung cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Đ không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét mức đóng góp phí tổn nuôi con chung của anh Nguyễn Văn T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Theo trình bày của chị Đ là không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Phong là có cơ sở chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a, Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Hồng Đ đối với anh Nguyễn Văn T. Giấy chứng nhận kết hôn số 49/2017 ngày 16/3/2017 của Ủy ban nhân dân thị trấn Y, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Trần Công Th, sinh ngày 03/11/2009 và Nguyễn Công D, sinh ngày 22/6/2013 cho chị Trần Thị Hồng Đ tiếp tục nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Trần Thị Hồng Đ không có yêu cầu. Anh Nguyễn Văn T được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản và nợ chung: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Hồng Đ phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003308 ngày 25/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Phong.

4. Quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hồng Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13/7/2022). Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- VKSND Tuy Phong;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Tuy Phong;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Tấn Sinh